

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TIÊU HỦY HÓA ĐƠN

Căn cứ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ;

Căn cứ Công văn số 14590/BTC-QLCS ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử bán tài sản công và tiêu hủy hóa đơn bán tài sản công bản giấy chưa sử dụng;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-STC ngày 23/01/2025 của Sở Tài chính về việc thành lập Hội đồng tiêu hủy hóa đơn bán tài sản công và hóa đơn bán tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước.

Căn cứ Biên bản kiểm kê hóa đơn cần tiêu hủy ngày 24/01/2025.

Hôm nay, vào hồi 09 giờ 15 phút ngày 24/01/2025, tại Sở Tài chính.

I. Thành phần gồm có:

- Bà: Bé Thị Tú Hằng, Phó Giám đốc Sở Tài chính - Chủ tịch Hội đồng;
- Ông: Quách Hoài Dương, Trưởng phòng Công sản - Doanh nghiệp - Phó chủ tịch Hội đồng;
- Bà: Lê Thanh Hà, Chuyên viên phòng Công sản - Doanh nghiệp - Thành viên;
- Bà: Nguyễn Thị Hoàng Lan, Kế toán Sở Tài chính - Thành viên.;
- Bà: Hoàng Thị Xuân, Chuyên viên phòng Tuyên truyền hỗ trợ NNT, Cục Thuế tỉnh - Thành viên;
- Ông: Bùi Lý Hùng, Cán bộ Phòng PC03 - Công an tỉnh - Thành viên.

II. Nội dung: Hội đồng tiến hành tiêu hủy hóa đơn như sau:

Tổng số hóa đơn cần tiêu hủy: 1.611 hóa đơn. Trong đó:

- 697 hóa đơn bán tài sản công.
- 914 hóa đơn bán tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

2. Lý do tiêu hủy hóa đơn

Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 60 Điều 1 Nghị định 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ: “Thời hạn bắt buộc phải chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử bán tài sản công là từ ngày 01 tháng 01 năm 2025”.

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 14590/BTC-QLCS ngày 31/12/2024 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn đăng ký sử dụng hóa đơn

điện tử bán tài sản công và tiêu hủy hóa đơn bán tài sản công bản giấy chưa sử dụng. Hóa đơn bán tài sản công, hóa đơn bán tài sản tịch thu sung quỹ chưa sử dụng còn tồn đến ngày 31/12/2024 không được phép sử dụng, phải thực hiện tiêu hủy.

3. Phương pháp tiêu hủy hóa đơn

Hội đồng tiêu hủy hóa đơn quyết định sử dụng phương pháp đốt cháy toàn bộ 1.611 hóa đơn.

Địa điểm: tại sân Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng.

4. Kết quả tiêu hủy hóa đơn

Hội đồng tiêu hủy hóa đơn đã tiến hành đốt cháy toàn bộ 1.611 hóa đơn bán tài sản công và hóa đơn bán tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước bằng giấy chưa sử dụng hết, (cụ thể: 697 hóa đơn bán tài sản công; 914 hóa đơn bán tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước).

III. Kết luận

Hội đồng tiêu hủy hóa đơn bán tài sản công và hóa đơn bán tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước đã đốt cháy 1.611 hóa đơn, (cụ thể: 697 hóa đơn bán tài sản công; 914 hóa đơn bán tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước).

Công tác tiêu hủy hóa đơn kết thúc vào hồi 10h cùng ngày. Biên bản được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, đã được 100% các thành viên Hội đồng thông qua, nhất trí và ký tên.

CÁC THÀNH VIÊN

Ông: Quách Hoài Dương.....

Bà: Lê Thanh Hà

Bà: Nguyễn Thị Hoàng Lan

Bà: Hoàng Thị Xuân

Ông: Bùi Lý Hùng

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bế Thị Tú Hằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
SỞ TÀI CHÍNH CAO BẰNG

PHỤ LỤC HÓA ĐƠN CẦN TIÊU HỦY

(Kèm theo Biên bản tiêu hủy hóa đơn) *my*

Số TT	Tên hóa đơn	Quyển số	Đơn vị sử dụng	Mẫu số	Ký hiệu hóa đơn	Từ số	Đến số	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Hoá đơn bán tài sản Nhà nước (a+b)							697
a)	Hoá đơn bán tài sản nhà nước (AA/2010-TSNN)							293
1		0648	Quảng Hòa (PH)	01/TSNN-HĐ	AA/2010-TSNN		0032400	1
2		0650	Quảng Hòa (QU)	01/TSNN-HĐ	AA/2010-TSNN	0032481	0032500	20
3		0654	Bảo Lạc	01/TSNN-HĐ	AA/2010-TSNN	0032674	0032700	27
4		0655	TP Cao Bằng	01/TSNN-HĐ	AA/2010-TSNN	0032717	0032750	34
5		0656	Bảo Lâm	01/TSNN-HĐ	AA/2010-TSNN	0032767	0032800	34
6		0657	Nguyên Bình	01/TSNN-HĐ	AA/2010-TSNN	0032812	0032850	39
7		0658	Hà Quảng (TN)	01/TSNN-HĐ	AA/2010-TSNN	0032884	0032900	17
8		0659	Hạ Lang	01/TSNN-HĐ	AA/2010-TSNN	0032905	0032950	46
9		0660	Trùng Khánh (TL)	01/TSNN-HĐ	AA/2010-TSNN	0032972	033000	29
10		0662	Thạch An	01/TSNN-HĐ	AA/2010-TSNN	0033061	0033100	40
11		0665	Sở Tài chính	01/TSNN-HĐ	AA/2010-TSNN	0033245	0033250	6
b)	Hoá đơn bán tài sản nhà nước (AA/2015-TSNN)							404
1		0019	Sở Tài chính	01/TSNN-HĐ	AA/2015-TSNN	0000934	0000950	17
2		0020	Sở Tài chính	01/TSNN-HĐ	AA/2015-TSNN	0000997	0001000	4
3		0021	Hòa An	01/TSNN-HĐ	AA/2015-TSNN	0001018	0001050	33
4		0022	Sở Tài chính	01/TSNN-HĐ	AA/2015-TSNN	0001051	0001100	50

5		0023	Sở Tài chính	01/TSNN-HĐ	AA/2015-TSNN	0001101	0001150	50
6		0024	Sở Tài chính	01/TSNN-HĐ	AA/2015-TSNN	0001151	0001200	50
7		0025	Sở Tài chính	01/TSNN-HĐ	AA/2015-TSNN	0001201	0001250	50
8		0026	Sở Tài chính	01/TSNN-HĐ	AA/2015-TSNN	0001251	0001300	50
9		0027	Sở Tài chính	01/TSNN-HĐ	AA/2015-TSNN	0001301	0001350	50
10		0028	Sở Tài chính	01/TSNN-HĐ	AA/2015-TSNN	0001351	0001400	50
	Tổng cộng I							697
II	Hoá đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước (a+b+c)							914
a)	Hoá đơn bán tài sản tịch thu SQNN (AA/2010-QLCS)							31
1		1750	Hà Quảng (TN)	01/TSSQ-3L.04	AA/2010-QLCS	0087491	0087500	10
2		1763	Hạ Lang	01/TSSQ-3L.04	AA/2010-QLCS	0088149	0088150	2
3		1764	Quảng Hòa (QU)	01/TSSQ-3L.04	AA/2010-QLCS	0088182	0088200	19
b)	Hóa đơn bán tài sản tịch thu SQNN nhập năm 2017 (AA/2015-QLCS)							102
1		0551	Cục Hải quan	01/TSSQ-3L.04	AA/2015-QLCS	0027525	0027550	26
2		0552	Nguyên Bình	01/TSSQ-3L.04	AA/2015-QLCS	0027580	0027600	21
3		0556	Thạch An	01/TSSQ-3L.04	AA/2015-QLCS	0027794	0027800	7
4		0557	Hà Quảng	01/TSSQ-3L.04	AA/2015-QLCS	0027835	0027850	16
5		0562	Hòa An	01/TSSQ-3L.04	AA/2015-QLCS	0028096	0028100	5
6		0566	Bảo Lạc	01/TSSQ-3L.04	AA/2015-QLCS	0028282	0028300	19
7		0567	Thành phố	01/TSSQ-3L.04	AA/2015-QLCS	0028343	0028350	8
c)	Hóa đơn bán tài sản tịch thu SQNN nhập năm 2022 (AA/2015-QLCS)							781
1		0991	Sở Tài chính	01/TSSQ-3L.04	AA/2025-QLCS	0049542	0049550	9
2		0994	Bảo Lâm	01/TSSQ-3L.04	AA/2025-QLCS	0049663	0049700	38
3		0995	Quản lý thị trường	01/TSSQ-3L.04	AA/2025-QLCS	0049717	0049750	34
4		0996	Trùng Khánh	01/TSSQ-3L.04	AA/2025-QLCS	0049792	0049800	9

5		0997	Sở Tài chính	01/TSSQ-3L.04	AA/2025-QLCS	0049810	0049850	41
6		0998	Sở Tài chính	01/TSSQ-3L.04	AA/2025-QLCS	0049851	0049900	50
7		0999	Sở Tài chính	01/TSSQ-3L.04	AA/2025-QLCS	0049901	0049950	50
8		1000	Sở Tài chính	01/TSSQ-3L.04	AA/2025-QLCS	0049951	0050000	50
9		1001	Sở Tài chính	01/TSSQ-3L.04	AA/2025-QLCS	0050001	0050050	50
10		1002	Sở Tài chính	01/TSSQ-3L.04	AA/2025-QLCS	0050051	0050100	50
11		1003	Sở Tài chính	01/TSSQ-3L.04	AA/2025-QLCS	0050101	0050150	50
12		1004	Sở Tài chính	01/TSSQ-3L.04	AA/2025-QLCS	0050151	0050200	50
13		1005	Sở Tài chính	01/TSSQ-3L.04	AA/2025-QLCS	0050201	0050250	50
14		1006	Sở Tài chính	01/TSSQ-3L.04	AA/2025-QLCS	0050251	0050300	50
15		1007	Sở Tài chính	01/TSSQ-3L.04	AA/2025-QLCS	0050301	0050350	50
16		1008	Sở Tài chính	01/TSSQ-3L.04	AA/2025-QLCS	0050351	0050400	50
17		1009	Sở Tài chính	01/TSSQ-3L.04	AA/2025-QLCS	0050401	0050450	50
18		1010	Sở Tài chính	01/TSSQ-3L.04	AA/2025-QLCS	0050451	0050500	50
Tổng cộng II								914
Tổng cộng I+II								1.611